

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 24.810.000.000 VND.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ghi chú</i>
Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Bì Long Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Bì Long Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên	
Ông Trần Hướng Quảng	Thành viên	

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
Ông Trịnh Văn Ba	Thành viên
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bì Long Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Quang Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC


BÌ LONG SƠN

Số: 16.129/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2016 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THỤY NHÃ VY

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1875-2013-026-1

1236
CÔNG
HẠN
KIỂM
D.T.L
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		287.883.358.288	293.904.758.803
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	12.096.055.510	9.011.339.762
1. Tiền	111		12.096.055.510	8.811.339.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	500.000.000	6.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		500.000.000	6.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		239.802.973.974	221.735.479.400
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	65.657.217.178	42.872.668.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.570.281.569	21.344.826.538
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	148.575.475.227	157.517.984.054
IV. Hàng tồn kho	140		30.894.732.972	52.498.957.799
1. Hàng tồn kho	141	(5.5)	30.894.732.972	52.498.957.799
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.589.595.832	4.258.981.842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.502.273	193.673.119
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.009.569.356	3.721.158.005
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.12)	570.524.203	344.150.718
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.753.201.160	75.490.115.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.413.785.600	884.130.836
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.413.785.600	884.130.836
II. Tài sản cố định	220		40.756.908.869	21.852.888.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	37.719.386.496	21.573.168.639
- Nguyên giá	222		52.416.646.942	33.003.679.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.697.260.446)	(11.430.510.754)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	3.037.522.373	279.720.000
- Nguyên giá	228		3.361.969.709	279.720.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(324.447.336)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.9)	7.977.975.396	-
- Nguyên giá	231		8.162.364.502	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(184.389.106)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		47.485.720.841	41.495.484.444
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.6)	47.485.720.841	41.495.484.444
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	10.320.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(5.2)	1.000.000.000	10.320.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		118.810.454	937.611.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		118.810.454	937.611.215
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		386.636.559.448	369.394.873.937

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		338.931.581.428	322.627.666.954
I. Nợ ngắn hạn	310		153.243.161.513	123.159.037.501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.11)	44.108.542.601	36.175.340.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.418.751	16.287.057.922
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.12)	738.358.144	370.577.802
4. Phải trả người lao động	314	(5.13)	504.693.430	1.110.732.655
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.14)	9.834.388.776	2.959.242.103
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97.500.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	5.510.832.823	2.495.109.445
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.10)	92.445.426.988	63.885.326.729
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	(124.349.791)
II. Nợ dài hạn	330		185.688.419.915	199.468.629.453
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.16)	56.173.884.035	57.735.079.453
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.15)	93.754.338.880	92.130.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.10)	35.760.197.000	49.603.550.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.704.978.020	46.767.206.983
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17)	47.704.978.020	46.767.206.983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.219.659.412	21.182.884.718
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.675.318.608	774.322.265
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		661.994.183	130.422.132
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.013.324.425	643.900.133
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		386.636.559.448	369.394.873.937

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	205.261.376.085	128.858.091.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	205.261.376.085	128.858.091.841
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	191.185.484.026	118.393.814.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.075.892.059	10.464.277.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.875.539.089	3.454.845.259
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	7.077.483.401	6.054.063.301
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		7.077.483.401	6.054.063.301
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	1.266.576.086	280.982.523
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	8.219.193.914	7.520.987.036
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.388.177.747	63.089.685
11. Thu nhập khác	31		533.154.332	1.134.337.872
12. Chi phí khác	32		431.809.112	316.655.551
13. Lợi nhuận khác	40		101.345.220	817.682.321
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.489.522.967	880.772.006
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	476.198.542	236.871.873
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.013.324.425	643.900.133
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	(5.17.4)	368	230

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.489.522.967	880.772.006
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.838.998.773	3.143.062.999
- Các khoản dự phòng	03		-	(107.027.548)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.253.425.576)	(5.494.868.513)
- Chi phí lãi vay	06		7.295.567.801	6.054.063.301
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.370.663.965	4.476.002.245
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.743.834.885)	(27.001.040.310)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.604.224.827	(4.150.052.947)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(31.433.561.072)	(5.528.552.675)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.002.971.607	(602.280.724)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.295.567.801)	(6.054.063.301)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(341.668.339)	(518.560.415)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		72.008.183	392.032.670
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(74.650.000)	(562.738.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.839.413.515)	(39.549.254.040)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.027.675.936)	(13.349.744.029)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.818.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.900.000.000	13.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.320.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.320.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.017.061.940	3.875.539.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.209.386.004	(13.376.023.122)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		131.775.364.123	120.849.378.342
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(117.058.616.864)	(85.819.050.823)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.004.000)	(2.528.058.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.714.743.259	32.502.269.194
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.084.715.748	(20.423.007.968)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.011.339.762	29.434.347.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		12.096.055.510	9.011.339.762

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.810.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Cuối năm		Đầu năm	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	15.810.000.000	64%	15.810.000.000	64%
Ông Phan Quốc Anh	Việt Nam	1.000.000.000	4%	1.000.000.000	4%
Các cổ đông khác	Việt Nam	8.000.000.000	32%	8.000.000.000	32%
Cộng		24.810.000.000	100%	24.810.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

- Xí nghiệp khai thác cát Đắc Lua tại số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp bê tông nhựa nóng tại Thôn 8, Xã Nhân Cơ, Huyện ĐăkRláp, Tỉnh Đăknông.
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng tại số 1 tại Thôn 1, Xã Quảng Ngãi, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng.
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng tại số 2 tại Thôn 5, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước.
- Ban Quản lý dự án khu công nghiệp Thạnh Phú tại số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 118 (31/12/2014: 115).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa;
- Khai thác, thu gom than bùn;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Nạo vét kênh, rạch;
- Thu gom rác thải độc hại, không độc hại;
- Xử lý, tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và các hoạt động quản lý chất thải khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.25.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 02 đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn được phân bổ dần từ 02 đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2015
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 31 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

4.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

4.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.12. Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

4.17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.19. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.24. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.25. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm	VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	157.517.984.054	155.690.910.514
Tài sản ngắn hạn khác	-	713.177.647
Hàng tồn kho	52.498.957.799	53.363.924.924
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	344.150.718	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.495.109.445	3.689.925.346
Phải trả dài hạn khác	92.130.000.000	90.000.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	370.577.802	312.473.437
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	63.885.326.729	71.428.876.729
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	49.603.550.000	42.060.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.959.242.103	2.451.462.103
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	774.322.265	1.682.311.243

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	VND	
	Số đầu năm (Được báo cáo lại)	Số đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	128.858.091.841	133.263.417.035
Giá vốn hàng bán	118.393.814.555	119.332.227.950
Doanh thu hoạt động tài chính	3.454.845.259	4.265.594.380
Chi phí tài chính	6.054.063.301	6.282.098.101
Chi phí bán hàng	280.982.523	544.017.291
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.520.987.036	10.896.126.962
Thu nhập khác	1.134.337.872	2.056.781.898
Chi phí khác	316.655.551	629.682.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành	236.871.873	349.751.328
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	643.900.133	1.551.889.111
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	230	426

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	VND	
	Năm trước (Được báo cáo lại)	Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	880.772.006	1.901.640.439
Chi phí lãi vay	6.054.063.301	6.282.098.101
Tăng, giảm các khoản phải thu	(27.001.040.310)	(27.834.689.429)
Tăng, giảm hàng tồn kho	(4.150.052.947)	(5.015.020.072)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)"	(5.528.552.675)	(5.240.860.155)
Tiền lãi vay đã trả	(6.054.063.301)	(6.282.098.101)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(10.000.000.000)	3.600.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	13.600.000.000	(9.320.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(9.320.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.875.539.089	4.265.594.380

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi của TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	1.089.426.453	637.008.636
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.006.629.057	8.174.331.126
Các khoản tương đương tiền	-	200.000.000
Cộng	<u>12.096.055.510</u>	<u>9.011.339.762</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng.

Đầu tư vào các đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	
Góp vốn dự án cải tạo QL 91	-	-	9.320.000.000	-	
Cộng	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>10.320.000.000</u>	<u>-</u>	

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông	25.268.052.000	9.990.364.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	9.374.917.440	-
Ban Quản lý Dự án Huyện Định Quán	1.655.019.698	5.467.489.698
Khác	29.359.228.040	27.414.815.110
Cộng	<u>65.657.217.178</u>	<u>42.872.668.808</u>

Trong đó, khoản phải thu ngắn hạn của các bên liên quan là 1.450.735.162 VND – Xem thêm mục 8.

Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn dùng để thế chấp cho các khoản vay là 27.108.825.481 VND – Xem thêm mục 5.10.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Quý đất Huyện Vĩnh Cửu	121.311.935.363	-	120.759.331.363	-
Ứng tiền đền bù mỏ đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa	23.304.586.000	-	34.909.660.000	-
Các khoản phải thu khác	3.011.490.301	-	1.135.815.044	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	306.294.099	-	-	-
Tạm ứng	641.169.464	-	713.177.647	-
Cộng	<u>148.575.475.227</u>	<u>-</u>	<u>157.517.984.054</u>	<u>-</u>

5.5. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	293.437.583	-	2.623.573.463	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.420.135.215	-	48.748.642.469	-
Thành phẩm	181.160.174	-	1.126.741.867	-
Cộng	<u>30.894.732.972</u>	<u>-</u>	<u>52.498.957.799</u>	<u>-</u>

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Dự án mỏ đá Tân Cang 4	37.473.848.090	19.833.337.087
Dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	10.011.872.751	18.579.897.648
Dự án mỏ cát	-	3.082.249.709
Cộng	<u>47.485.720.841</u>	<u>41.495.484.444</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.7. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	2.824.315.145	17.016.438.691	13.034.011.732	128.913.825	33.003.679.393
Mua trong năm	-	-	14.462.819	-	14.462.819
Đầu tư XDCB hoàn thành	20.461.917.369	-	-	-	20.461.917.369
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.063.412.639)	-	-	(1.063.412.639)
Số dư cuối năm	23.286.232.514	15.953.026.052	13.048.474.551	128.913.825	52.416.646.942
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	1.273.824.693	3.457.545.384	6.586.830.863	112.309.814	11.430.510.754
Khấu hao trong năm	1.197.903.740	1.998.264.641	1.126.139.936	7.854.014	4.330.162.331
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.063.412.639)	-	-	(1.063.412.639)
Số dư cuối năm	2.471.728.433	4.392.397.386	7.712.970.799	120.163.828	14.697.260.446
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	1.550.490.452	13.558.893.307	6.447.180.869	16.604.011	21.573.168.639
Tại ngày cuối năm	20.814.504.081	11.560.628.666	5.335.503.752	8.749.997	37.719.386.496

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 13.772.059.879 – Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.111.014.002 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Khác	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	279.720.000	-	279.720.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.082.249.709	3.082.249.709
Số dư cuối năm	279.720.000	3.082.249.709	3.361.969.709
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	324.447.336	324.447.336
Số dư cuối năm	-	324.447.336	324.447.336
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	279.720.000	-	279.720.000
Tại ngày cuối năm	279.720.000	2.757.802.373	3.037.522.373

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố và đảm bảo cho các khoản vay là 3.037.522.373 VND – Xem thêm mục 5.10.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Là nhà xưởng đã hoàn thành trong năm chờ cho thuê.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP	59.987.839.324	59.987.839.324	70.779.143.825	70.786.631.230	59.995.326.729	59.995.326.729	
Đầu Tư và Phát							
Triển Việt Nam - Chi	13.977.587.664	13.977.587.664	20.744.886.543	6.767.298.879	-	-	
nhánh Đồng Nai							
Ngân hàng TMCP							
Công Thương Việt	18.480.000.000	18.480.000.000	18.480.000.000	3.890.000.000	3.890.000.000	3.890.000.000	
Nam - Chi nhánh							
Đồng Nai							
Nợ dài hạn đến hạn							
trả							
Cộng	92.445.426.988	92.445.426.988	110.004.030.368	81.443.930.109	63.885.326.729	63.885.326.729	
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP	9.720.197.000	9.720.197.000	4.636.647.000	2.920.000.000	8.003.550.000	8.003.550.000	
Đầu Tư và Phát							
Triển Việt Nam - Chi							
nhánh Đồng Nai							
Ngân hàng TMCP	24.500.000.000	24.500.000.000	-	14.000.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000	
Ngoại Thương Việt							
Nam - Chi nhánh							
Đồng Nai							
Quý Bảo vệ Môi	1.540.000.000	1.540.000.000	-	1.560.000.000	3.100.000.000	3.100.000.000	
trường Tỉnh Đồng							
Nai							
Cộng	35.760.197.000	35.760.197.000	4.636.647.000	18.480.000.000	49.603.550.000	49.603.550.000	
Tổng cộng	128.205.623.988	128.205.623.988	114.640.677.368	99.923.930.109	113.488.876.729	113.488.876.729	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm đối với VND và được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng, quyền đòi nợ Ban Quản lý Dự án Huyện Định Quán, quyền đòi nợ Ban Quản lý Dự án Huyện Nhơn Trạch, quyền đòi nợ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông, toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng Thi công Xây dựng Công trình số 04/2014/HĐXD-CTAG ngày 14 tháng 8 năm 2014 và các phụ lục kèm theo (nếu có) được ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang - Xem thêm mục 5.3, 5.7 và 5.8.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 04 đến 07 năm với lãi suất từ 10%/năm đến 11,1%/năm, có số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 54.240.197.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 18.480.000.000 VND. Các khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng, quyền đòi nợ Ban Quản lý Dự án Huyện Định Quán, Ban Quản lý Dự án Huyện Nhơn Trạch và bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay - Xem thêm mục 5.3, 5.7 và 5.8.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/378288/HĐTD ký ngày 22 tháng 10 năm 2015. Khoản vay này Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vay hộ cho Ban Quản lý Dự án. Thời hạn của các khoản vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thỏa thuận thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng tài sản của Khu Công nghiệp Thạnh Phú số 03/2015/378288/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của Khu Công nghiệp Thạnh Phú số 02/2015/378288/HĐTC.

Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng vay số 44/2012/HĐTD/TD-MT ký ngày 10 tháng 10 năm 2012. Khoản vay này Công ty Cổ phần Công trình Giao Thông Đồng Nai vay hộ cho Ban Quản lý Dự án. Thời hạn vay là 6 năm, lãi suất 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi 03/2012/HĐTG ngày 27 tháng 08 năm 2012 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình và Hợp đồng tiền gửi 04/2012/HĐTG ngày 29 tháng 08 năm 2012 của Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Sonadezi - Xem thêm mục 8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty Cổ phần Phát triển Cường Thuận IDICO Công ty TNHH	9.412.924.291	9.412.924.291	5.495.692.776	5.495.692.776	
Trường Toàn Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công Nghiệp Số 1 Đồng Nai	4.459.672.521	4.459.672.521	-	-	
Khác	25.105.156.344	25.105.156.344	28.388.520.173	28.388.520.173	
Cộng	44.108.542.601	44.108.542.601	36.175.340.636	36.175.340.636	

5.12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND
				Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	-	22.886.300.154	22.886.300.154	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116.092.527	476.198.542	341.668.339	250.622.730
Thuế thu nhập cá nhân	21.065.642	118.613.689	128.439.003	11.240.328
Thuế tài nguyên	20.084.900	241.422.726	113.822.400	147.685.226
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	209.059.233	987.037.221	956.646.054	239.450.400
Các loại thuế khác	-	46.520.350	46.520.350	-
Các khoản phí, lệ phí	4.275.500	1.263.852.979	1.178.769.019	89.359.460
Cộng	370.577.802	26.019.945.661	25.652.165.319	738.358.144
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	(344.150.718)	-	226.373.485	(570.524.203)

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Trích trước chi phí thi công	9.157.120.847	2.234.022.559
Trích trước phí tài nguyên, môi trường	420.376.320	507.780.000
Khác	256.891.589	217.439.544
Cộng	9.834.388.776	2.959.242.103

5.15. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
KPCD	48.216.495	-
BHXH, BHYT, BHTN	19.310.928	25.145.164
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	760.000.000	0
Khác	4.683.305.400	2.469.964.281
Cộng	5.510.832.823	2.495.109.445
Dài hạn:		
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty CP Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	60.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	2.130.000.000	2.130.000.000
Kí quỹ kí cược dài hạn	1.624.338.880	-
Cộng	93.754.338.880	92.130.000.000

Trong đó, khoản phải trả dài hạn cho các bên liên quan với số tiền là 90.000.000.000 VND là khoản nhận vốn góp vào dự án khu công nghiệp Thạnh Phú và Dự án Xí nghiệp Cát – Xem thêm mục 8.

5.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là khoản nhận trước tiền thuê hạ tầng của Công ty TNHH Chang Sing Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý ĐTPT	Quý DPTC	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư đầu năm trước	24.810.000.000	19.978.758.024	1.160.642.664	2.868.148.045	48.817.548.733
Lãi trong năm trước	-	-	-	643.900.133	643.900.133
Chia LN dự án Bửu Long	-	-	-	(471.248.168)	(471.248.168)
Kết chuyển dự án 38HA Hóa An	-	-	-	392.032.670	392.032.670
Trích quỹ ĐTPT	-	43.484.030	-	(43.484.030)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	(86.968.060)	(86.968.060)
Chia cổ tức năm 2012,2013	-	-	-	(2.528.058.325)	(2.528.058.325)
Kết chuyển sang quý ĐTPT	-	1.160.642.664	(1.160.642.664)	-	-
Số dư đầu năm nay	24.810.000.000	21.182.884.718	-	774.322.265	46.767.206.983
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.013.324.425	1.013.324.425
Trích quỹ ĐTPT	-	36.774.694	-	(36.774.694)	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	(73.549.388)	(73.549.388)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(2.004.000)	(2.004.000)
Số dư cuối năm nay	24.810.000.000	21.219.659.412	-	1.675.318.608	47.704.978.020

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	15.810.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	24.810.000.000	24.810.000.000

5.17.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	2.481.000	2.481.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.013.324.425	643.900.133
Trừ: trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(101.332.442)	(73.549.388)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông kỳ này	911.991.982	570.350.745
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.481.000	2.481.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	368	230

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu xây lắp	202.145.948.985	106.286.547.285
Doanh thu bán thảm BTN	1.086.266.139	17.777.960.148
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và khác	1.680.432.200	4.519.889.384
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	348.728.761	273.695.024
Cộng	205.261.376.085	128.858.091.841
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	15.541.662.894
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	8.136.825.162	3.549.762.775
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	1.262.409.967	-
Cộng	9.399.235.129	19.091.425.669

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xây lắp	188.975.537.036	100.332.800.765
Giá vốn bán, thẩm BTN	886.194.423	16.180.035.728
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và khác	1.068.481.183	292.665.500
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	255.271.384	1.588.312.562
Cộng	191.185.484.026	118.393.814.555

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.725.539.089	3.154.878.259
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	299.967.000
Cộng	3.875.539.089	3.454.845.259

6.4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay trong năm.

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	165.529.920	96.114.800
Chi phí bảo hành	1.027.915.438	101.979.764
Dịch vụ mua ngoài	41.023.329	81.437.959
Chi phí bằng tiền khác	32.107.399	1.450.000
Cộng	1.266.576.086	280.982.523

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.886.620.766	3.400.072.416
Chi phí vật liệu quản lý	601.498.230	204.904.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	357.940.746	377.369.734
Thuế, phí và lệ phí	985.868.388	816.323.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	966.472.229	548.980.247
Chi phí bằng tiền khác	1.420.793.555	2.173.336.513
Cộng	8.219.193.914	7.520.987.036

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.337.745.402	98.640.341.098
Chi phí nhân công	17.540.623.847	13.258.743.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	357.940.746	377.369.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.077.449.667	10.508.913.552
Chi phí bằng tiền khác	3.804.218.362	6.636.239.703
Cộng	158.117.978.024	129.421.608.060

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.489.522.967	880.772.006
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	128.353.516	635.430.590
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(237.403.000)	(299.967.000)
Chuyển lỗ các năm trước	-	(40.422.969)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.380.473.483	1.175.812.627
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	303.704.166	258.678.778
Thuế TNDN phải nộp bổ sung	172.494.376	(21.806.905)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	476.198.542	236.871.873

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng công		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	204.912.647.324	128.584.396.817	348.728.761	273.695.024	205.261.376.085	128.858.091.841	
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	
Cộng	204.912.647.324	128.584.396.817	348.728.761	273.695.024	205.261.376.085	128.858.091.841	
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	13.982.434.68	10.284.014.908	93.457.376	180.262.378	14.075.892.059	10.464.277.286	
	3						
Chi phí không phân bổ					9.485.770.000	7.801.969.559	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính					4.691.467.279	3.479.990.048	
Thu nhập tài chính					3.875.539.089	3.454.845.259	
Chi phí tài chính					7.077.483.401	6.054.063.301	
Lợi nhuận khác					101.345.220	817.682.321	
Lợi nhuận trước thuế					1.489.522.967	880.772.006	
Thuế thu nhập doanh nghiệp					476.198.542	236.871.873	
Lợi nhuận sau thuế					1.013.324.425	643.900.133	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Các thông tin khác

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng công		VND
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	220.520.405.118	216.178.196.360	166.116.154.330	153.975.314.871	386.636.559.448	369.394.873.937	
Cộng	220.520.405.118	216.178.196.360	166.116.154.330	153.975.314.871	386.636.559.448	369.394.873.937	
	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng công		VND
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Nợ phải trả của bộ phận	173.712.016.321	165.068.194.500	165.219.565.107	157.559.472.454	338.931.581.428	322.627.666.954	
Nợ phải trả không phân bổ	173.712.016.321	165.068.194.500	165.219.565.107	157.559.472.454	338.931.581.428	322.627.666.954	
	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng công		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Chi phí mua sắm tài sản	14.462.819	6.019.482.159	28.624.281.871	277.311.892	28.638.744.690	6.296.794.051	
Chi phí khấu hao	3.755.033.068	3.199.083.464	899.576.599	9.437.569	4.654.609.667	3.208.521.033	

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp
2. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình
3. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình
4. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2
8. Ông Bì Long Sơn

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Công ty cùng tập đoàn
- Công ty cùng tập đoàn
- Công ty cùng tập đoàn
- Công ty cùng tập đoàn
- Công ty cùng tập đoàn
- Công ty cùng tập đoàn
- Tổng Giám đốc

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	2.167.143.350
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	1.410.825.162	740.766.821
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	39.910.000	335.262.402
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	150.000.000
Cộng	1.450.735.162	3.393.172.573

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả dài hạn khác - Xem thêm mục 5.15		
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	15.541.662.894
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	8.136.825.162	3.549.762.775
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	1.262.409.967	-
Cộng	9.399.235.129	19.091.425.669

	Năm nay	VND Năm trước
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	4.950.000	-
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	162.567.009	-
Cộng	167.517.009	-

	Năm nay	VND Năm trước
Bán khoản góp vốn hợp tác đầu tư		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	9.230.000.000	-

Bảo lãnh và thế chấp – Xem thêm mục 5.10.

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty bằng hợp đồng tiền gửi số 03/2012/HĐTG ngày 27 tháng 8 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình với Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty bằng hợp đồng tiền gửi số 04/2012/HĐTĐ ngày 29 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp với Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được chi tiết như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	93.600.000	93.600.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	806.399.500	798.350.800
Cộng	899.999.500	891.950.800

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn từ 5 – 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	795.085.400	554.773.700

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.097.314.100	1.097.314.100
Trên 1 năm đến 5 năm	4.865.133.171	3.937.583.068
Trên 5 năm	22.974.475.194	24.047.752.000
Cộng	28.936.922.465	29.082.649.168

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ		VND
	31/12/2015	01/01/2015	
Tài sản tài chính:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.096.055.510	9.011.339.762	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.975.001.578	44.008.483.852	
Đầu tư ngắn hạn khác	500.000.000	6.400.000.000	
Tài sản tài chính khác	1.000.000.000	10.320.000.000	
Cộng	82.571.057.088	69.739.823.614	
Công nợ tài chính:			
Các khoản vay	128.205.623.988	113.488.876.729	
Phải trả người bán và phải trả khác	143.306.186.881	130.775.304.917	
Chi phí phải trả	9.834.388.776	2.959.242.103	
Cộng	281.346.199.645	247.223.423.749	

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	31/12/2015	01/01/2015
Tiền và tương đương tiền	12.096.055.510	9.011.339.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.975.001.578	44.008.483.852
Cộng	81.071.057.088	53.019.823.614

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	92.905.426.988	49.551.848.001	9.834.388.776	152.291.663.765
Từ 1 – 3 năm	35.300.197.000	93.754.338.880	-	129.054.535.880
Số dư ngày 31/12/2015	128.205.623.988	143.306.186.881	9.834.388.776	281.346.199.645

	Vay và nợ	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	63.885.326.729	38.645.304.917	2.959.242.103	105.489.873.749
Từ 1 – 3 năm	49.603.550.000	92.130.000.000	-	141.733.550.000
Số dư ngày 01/01/2015	113.488.876.729	130.775.304.917	2.959.242.103	247.223.423.749

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

Nợ tài chính:	31/12/2015	01/01/2015
Theo lãi suất cố định	3.100.000.000	4.660.000.000
Theo lãi suất thả nổi	125.105.623.988	108.828.876.729
Cộng	128.205.623.988	113.488.876.729

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 1.440.456.240 VND (2014: 1.088.288.767 VND).

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 02 năm 2016.

NGƯỜI LẬP



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 18 tháng 02 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÍ LONG SƠN